

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Xuân.

Bà Phạm Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương V, sinh năm 1977. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lương H, sinh năm 1979. Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lương V trình bày:

Anh Lương V, chị Lương H trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương,

đến ngày 16/12/1999, thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến năm 2017 mâu thuẫn bắt đầu xảy ra do vợ chồng bất đồng về quan niệm sống, cuộc sống hôn nhân luôn xảy ra cãi vã không có tiếng nói chung, một phần do chị Lương H không chịu làm ăn và chăm sóc gia đình, bỏ bê con cái khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến cuối năm 2017, chị H bỏ về nhà ngoại ở thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và không còn quan tâm hay có trách nhiệm với các con chung. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm và liên lạc với nhau nữa. Do tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay anh Lương V yêu cầu được ly hôn với chị Lương H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Lương T1, sinh ngày 25/10/2002 hiện nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Lương T2 sinh ngày 11/03/2004, cháu Lương T3 sinh ngày 06/09/2006, cháu Lương T4 sinh ngày 29/12/2007. Khi ly hôn anh Lương V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Lương H cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con anh L có đủ điều kiện vì từ khi ly thân đến nay anh L một mình tự nuôi con, chăm lo cho các con ăn học đầy đủ không thiếu thốn gì.

Về tài sản chung, nợ chung anh Lương V không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lương H không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về hôn nhân cho anh L được ly hôn với chị H. Về nuôi con: Giao anh Lương V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Lương T2, Lương T3, Lương T4, đến khi đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của các con chung), chị Lương H không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương V và chị Lương H, đăng ký kết hôn ngày 16/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ

hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình hôn nhân tồn tại cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, từ cuối năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, người nào chỉ biết bốn phần của người đó. Anh Lương V đã hai lần nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng trong quá trình giải quyết chị H không hợp tác và vì thương con nên anh L đã rút đơn ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 18/8/2021 với Trưởng thôn Khuôn Dầu và bà Nguyễn Thị Hoa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Lương V và chị Lương H có 04 người con chung, cháu Lương T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết, cháu Lương T2 sinh ngày 11/03/2004, cháu Lương T3 sinh ngày 06/09/2006, cháu Lương T4 sinh ngày 29/12/2007. Xét về điều kiện nuôi con, từ khi ly thân anh L một mình nuôi các con chung, nguyện vọng của các con chung là được ở với bố, quá trình giải quyết vụ án chị H không hợp tác, không có ý kiến nguyện vọng về việc được nuôi các con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh L. Về nghĩa vụ cấp dưỡng anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lương V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Lương V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương V được ly hôn với chị Lương H.

2. Về con chung: Anh Lương V và chị Lương H có 04 người con chung: Lương T1 sinh ngày 25/10/2002, Lương T2 sinh ngày 11/03/2004, Lương T3 sinh ngày 06/09/2006, Lương T4 sinh ngày 29/12/2007.

Đối với con lớn Lương T1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các con chung dưới 18 tuổi Lương T2, Lương T3, Lương T4, sau khi ly hôn anh Lương V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lương H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lương V chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lương V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Lương V đã nộp 300.000 đồng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002197 ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn